

Bản án số: 306/2023/DS-ST  
Ngày: 21-11-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Kiều Loan.
2. Bà Lê Thị Thu Ba.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Dương Hoàng Kim T, sinh năm 1972.
2. Ông Hồ Ngọc C, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: KP 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh H(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/2/2023 tại Văn phòng công Chứng Võ Văn Ninh).

**- Bị đơn:**

1. Ông Lương C’, sinh năm 1955.
2. Bà Lưu Thị Kim C”, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L’, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1942.

2. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Số 322/6, tổ 3, KP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Ngô Thị Mỹ H', sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 322/6, tổ 3, KP 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt, ông C', bà H' có đơn xin vắng mặt; ông L và bà M vắng mặt không rõ lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Dương Hoàng Kim T và ông Hồ Ngọc C do ông Đỗ Anh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:*

Bà Dương Hoàng Kim T và ông Hồ Ngọc C quen biết với ông Lương C', bà Lưu Thị Kim C". Vợ chồng ông C' và có vay bà T, ông C số tiền tính đến ngày 28/7/2014 là 4.624.243.000đồng. Lãi suất 1%/tháng, hai bên thỏa thuận miệng chứ không ghi trong giấy nhận nợ. Vợ chồng ông C', bà C" có cam kết đến tháng 12/2014 sẽ trả cho bà T, ông C đầy đủ số tiền trên.

Bà T, ông C đã nhiều lần liên hệ với ông C', bà C" nhưng ông C', bà C" vẫn chưa thanh toán được số tiền trên.

Để đảm bảo khoản nợ trên, bà C" và ông C' đã thế chấp cho bà T, ông C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 834271 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/5/2006 cho ông Ngô Văn L và bà Đỗ Thị M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 450077 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 08/4/2011 cho ông Đoàn Xuân K; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296335 của ông Lưu Văn X và 01 chiếc xe SH biển số 60B1-555.79 do Công an Đồng Nai cấp cho bà Ngô Thị Mỹ H', sau đó đến ngày 24/01/2017 thì Công an tỉnh Đồng Nai đã cấp lại cho bà Dương Hoàng Kim T.

Nay bà T, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lương C' và bà Lưu Thị Kim C" phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T, ông C số tiền nợ là 4.624.243.000 đồng và lãi suất của tổng số tiền là 1%/tháng, thời gian tạm tính lãi từ ngày 01/01/2015 cho đến ngày 01/02/2023, tạm tính tiền lãi là 3.930.400.000đồng.

Tại phiên Tòa, ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, ông H đồng ý thừa nhận bà T và ông C đã nhận số tiền trả của ông C' và bà C" là 920.000.000 đồng nên đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền gốc. Đối với lãi suất thì bà T và ông C chỉ yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng và tính lãi suất từng phần theo từng thời điểm trả nợ, thời gian tính lãi tính từ 01/01/2015 cho đến ngày xét xử 21/11/2023.

Bà T và ông C' đồng ý trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 834271 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/5/2006 cho Ông Ngô Văn L và Bà Đỗ Thị M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 450077 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 08/4/2011 cho ông Đoàn Xuân K và 01 chiếc xe SH biển số 60B1-555.79 do bà Ngô Thị Mỹ H' đứng tên sở hữu (đã được Công an Đồng Nai sang tên cho bà Dương Hoàng Kim T ngày 24/01/2017); Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296335 của ông Lưu Văn X thì bà T, ông C đã trả lại cho bà C'', ông C'.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là bà Lưu Thị Kim C'' trình bày như sau:* Vào năm 2011, vợ chồng ông bà có vay của bà Dương Hoàng Kim T và ông Hồ Ngọc C tổng cộng số tiền 1.600.000.000đồng, để đảm bảo khoản vay thì ông bà có thể cho bà T và ông C tổng cộng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn L, ông Lưu Văn X, ông Đoàn Xuân K và một xe Honda SH biển số 60B1-155.79 do bà Ngô Thị Mỹ H' là chủ sở hữu. Sau đó, do làm ăn khó khăn, lãi chồng lãi nên bà T, ông C buộc bà và ông C' ký vào giấy nhận nợ ngày 28/7/2014 với số tiền nợ còn thiếu là 4.624.243.000đồng. Nay bà đồng ý là bà và ông C' còn thiếu số tiền này.

Bà và ông C' đã trả được số tiền gốc 920.000.000đồng, bà yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc 4.624.243.000đồng.

Riêng đối với số tiền lãi thì bà không đồng ý trả vì ông bà đã trả lãi quá nhiều.

Bà xin nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 834271 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/5/2006 cho ông Ngô Văn L và bà Đỗ Thị M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 450077 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 08/4/2011 cho ông Đoàn Xuân K và 01 chiếc xe SH biển số 60B1-555.79 do Công an Đồng Nai cấp ngày 24/01/2017 cho bà Dương Hoàng Kim T.

Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296335 của ông Lưu Văn X thì ông bà đã nhận lại nên ông bà không ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Mỹ H' trình bày:* Vào khoảng năm 2013, bà có cho bà Lưu Thị Kim C'' mượn xe và giấy tờ xe mô tô biển số 60B1-555.79 để cầm cố cho bà Dương Hoàng Kim T và ông Hồ Ngọc C. Nay bà yêu cầu nhận lại xe mô tô trên và yêu cầu cập nhật sang tên cho bà theo giấy đăng ký sở hữu xe.

*Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm.

Về nội dung: Bà Lưu Thị Kim C'' thừa nhận có ký vào giấy mượn nợ ngày 28/7/2014 với tổng số tiền 4.624.243.000đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bên thống nhất việc bị đơn đã trả 5 lần theo các biên nhận với tổng số tiền 920.000.000 đồng, các đương sự đồng ý khấu trừ vào số nợ gốc nên đề nghị

HĐXX ghi nhận. Đề nghị HĐXX tính lãi suất và khấu trừ nợ gốc theo từng thời điểm trả nợ.

Về lãi suất: Bị đơn cho rằng có thỏa thuận và trả lãi 8%/tháng nhưng không C’ung cấp được chứng cứ chứng minh, biên nhận nợ không ghi nhận lãi suất nên đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao tính lãi suất 10%/năm.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Ngọc C, bà Dương Hoàng Kim T về trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 834271 do ông Ngô Văn L đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 450077 do ông Đoàn Xuân K đứng tên; Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 555.79 do bà Dương Hoàng Kim T đứng tên. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với ông Lương C’ và bà Lưu Thị Kim C”.

Từ các chứng cứ và phân tích trên, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lương C’, bà Lưu Thị Kim C”; Ông C’, bà C” hiện có hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại Ấp L, xã L’, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C đòi số tiền nợ vay còn thiếu là 4.624.243.000đồng, đồng ý khấu trừ 920.000.000 đồng mà bà C” và ông C đã trả vào tiền gốc, đồng thời tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/11/2023. Ngược lại, bà C” đồng ý cùng ông C’ liên đới trả số tiền nợ đã vay 4.624.243.000 đồng, khấu trừ 920.000.000 đồng đã trả vào tiền gốc, tuy nhiên, không đồng ý trả lãi.

[2.1] Các đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu tính lãi suất của số tiền cho vay theo Điều 429 Bộ luật Dân sự nên HĐXX không đề cập, xem xét đến.

[2.2] Xét số tiền nợ đã vay 4.624.243.000 đồng: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền 28/7/2014”, bà C” thừa nhận chữ ký, chữ viết ở dưới giấy nợ đều do bà và ông Lương C’ viết, ký tên. Xét thấy, theo giấy mượn tiền thì ông C’ và bà C” vay của bà T và ông C số tiền 4.624.243.000 đồng, thời hạn vay đến cuối 12 năm 2014, ông C’ và bà C” phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T và ông C số tiền 4.624.243.000đồng nhưng đến nay ông C’, bà C” chưa trả cho bà T, ông C số tiền đã vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc ông C’, bà C” phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền đã vay 4.624.243.000đồng cho bà T, ông C. Tuy nhiên, hai bên đương sự thống nhất trừ số tiền ông C’, bà C” đã trả là

920.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc mà ông C', bà C'' còn thiếu bà T, ông C là 3.704.243.000đồng.

[2.3] Đối với số tiền lãi: Bà T, ông C cho rằng, ông C' và bà C'' vay lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, bà C'' cho rằng lãi suất 8%/tháng. Tuy nhiên, bà C'' không Cung cấp được chứng cứ chứng minh, biên nhận nợ không ghi nhận lãi suất nên HĐXX áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao tính lãi suất 10%/năm. Như vậy, lãi suất được tính cụ thể như sau:

Theo cam kết thì thời hạn cuối cùng trả nợ là cuối tháng 12/2014, do đó thời hạn bắt đầu tính lãi từ ngày 01/01/2015.

- Lãi suất từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/12/2015 là 11 tháng 27 ngày với số tiền lãi: 4.624.243.000đồng x 0,83% x 11 tháng 27 ngày = 456.736.481 đồng.

Đến ngày 29/12/2015 bà Lưu Thị Kim C'' trả số tiền 200.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại 4.424.243.000 đồng.

- Lãi suất từ ngày 29/12/2015 đến ngày 05/02/2016 tính tròn là 01 tháng 07 ngày với tổng số tiền 4.424.243.000 đồng x 0,83% x 01 tháng 07 ngày = 45.289.500 đồng.

Đến ngày 05/02/2016 bà Lưu Thị Kim C'' trả số tiền 100.000.000đồng nên số tiền gốc còn lại 4.324.243.000đồng.

- Lãi suất từ ngày 06/02/2016 đến ngày 01/6/2016 tính tròn 03 tháng 25 ngày với tổng số tiền 4.324.243.000đồng x 0,83% x 03 tháng 25 ngày = 137.582.998 đồng.

Đến ngày 01/06/2016 bà Lưu Thị Kim C'' trả số tiền 500.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại 3.824.243.000đồng.

- Lãi suất từ 02/6/2016 đến ngày 19/01/2017 là 07 tháng 17 ngày với tổng số tiền 3.824.243.000 đồng x 0,83% x 07 tháng 17 ngày = 240.175.208 đồng.

Đến ngày 19/01/2017 bà Lưu Thị Kim C'' trả số tiền 100.000.000 đồng nên số tiền gốc còn lại 3.724.243.000 đồng.

- Lãi suất từ ngày 20/01/2017 đến ngày 13/02/2018 là 11 tháng 23 ngày với tổng số tiền 3.704.243.000 đồng x 0,83% x 11 tháng 23 ngày = 363.721.986 đồng.

Đến ngày 13/02/2018 bà Lưu Thị Kim C'' trả số tiền 20.000.000đồng nên số tiền gốc còn lại 3.704.243.000 đồng.

Lãi suất từ ngày 14/02/2018 đến nay (ngày 21/11/2023) là 69 tháng 07 ngày với tổng số tiền 3.704.243.000 đồng x 0,83% x 69 tháng 07 ngày = 2.128.593.850 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 456.736.481đồng + 45.289.500đồng + 137.582.998đồng + 240.175.208đồng + 363.721.986đồng + 2.128.593.850đồng = 3.372.100.024đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Lương C', bà Lưu Thị Kim C'' có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C là 3.704.243.000đồng + 3.372.100.024 đồng = 7.076.343.024 đồng.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 834271 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/5/2006 cho ông Ngô Văn L và bà Đỗ Thị M, qua quá trình làm việc thì ông L, bà M không Có ý kiến gì. Các đương sự thống nhất bà T, ông C trả lại cho ông C', bà C'' nên HĐXX ghi nhận.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 450077 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 08/4/2011 cho ông Đoàn Xuân K, hai bên đương sự trình bày, hiện không biết ông K đang ở địa chỉ hộ khẩu hay địa chỉ hiện nay ở đâu nên HĐXX không đưa ông K vào tham gia tố tụng. Các đương sự thống nhất bà T, ông C trả lại cho ông C', bà C'' nên HĐXX ghi nhận.

Đối với 01 chiếc xe SH biển số 60B1-555.79 do Công an Đồng Nai cấp ngày 24/01/2017 cho bà Dương Hoàng Kim T. Bà Ngô Thị Mỹ H' yêu cầu nhận lại xe. Bà T, ông C đồng ý trả nên HĐXX ghi nhận. Buộc bà T, ông C trả 01 xe Honda, loại SH125, màu đỏ, dung tích 125, số máy 600594HIKPR, số khung 9A01F-005813, biển số 60B1-555.79 cho bà Ngô Thị Mỹ H'.

Bà Ngô Thị Mỹ H' được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đứng tên quyền sở hữu đối với xe mô tô HONDA, loại SH125, màu sơn đỏ, số máy 600594HIKPR, số khung 9A01F-005813, biển kiểm sát 60B1-555.79.

Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C296335 của ông Lưu Văn X thì các đương sự cùng thừa nhận bà T, ông C đã trả lại cho ông C', bà C'' xong nên HĐXX không đề cập, xem xét đến.

[4]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lương C', bà Lưu Thị Kim C'' chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông C', bà C'' là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông C', bà C'' được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T, ông C liên đới chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Ngô Thị Mỹ H' 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C do ông Đỗ Anh H là người đại diện theo ủy quyền về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Lương C’, bà Lưu Thị Kim C”.

Buộc ông Lương C’, bà Lưu Thị Kim C” có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C số tiền là 7.076.343.024 đồng (Bảy tỷ, bảy mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng), (trong đó gốc là 3.704.243.000 đồng, lãi 3.372.100.024 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C trả lại cho ông Lương C’, bà Lưu Thị Kim C” giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 834271 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 16/5/2006 cho ông Ngô Văn L và bà Đỗ Thị M và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 450077 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 08/4/2011 cho ông Đoàn Xuân K.

Trả lại cho bà Ngô Thị Mỹ H’ 01 xe Honda, loại SH125, màu đỏ, dung tích 125, số máy 600594HIKPR, số khung 9A01F-005813, biển số 60B1-555.79.

Bà Ngô Thị Mỹ H’ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đứng tên quyền sở hữu đối với xe mô tô Honda, loại SH125, màu sơn đỏ, số máy 600594HIKPR, số khung 9A01F-005813, biển kiểm sát 60B1-555.79.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương C’, bà Lưu Thị Kim C” là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông C’, bà C’ được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Bà Dương Hoàng Kim T, ông Hồ Ngọc C phải liên đới chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 58.277.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008003 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn lại cho bà T, ông C 57.977.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị Mỹ H’ số tiền 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005385 đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa ngày 21/11/2023.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Cương**